

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2020

*“V/v tranh chấp hôn nhân  
và gia đình”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Mẫn.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Móm Em.**

**Ông Nguyễn Văn Cơ Ba.**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Triệu Thị Ngọc Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Vũng Liêm - Tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia  
phiên tòa:*** Bà **Trần Thị Mỹ Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét  
xử công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLST – HNGĐ, ngày 14 tháng 2 năm 2020,  
về “*tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
38/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị **Lưu Thị Mộng T** - sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: ấp số 2, xã M, huyện C, tỉnh T.

***- Bị đơn:*** Anh **Phan Minh N** - sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 6, xã T, huyện V, tỉnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Trong đơn khởi kiện ngày 06/02/2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ  
vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lưu Thị Mộng T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết, tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia  
đình chị T và anh N đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và có đăng ký kết  
hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh L vào ngày 21/11/2011.

Sau ngày cưới vợ chồng anh, chị sống chung với cha mẹ ruột của anh N tại ấp 6,  
xã T, huyện V, tỉnh L. Thời gian đầu vợ chồng anh, chị sống hạnh phúc, đến tháng 01

năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không dung hòa được với nhau, tình cảm dành cho nhau không còn. Chị T nghi ngờ anh N có mối quan hệ với người khác bên ngoài. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay.

Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Minh N.

- Về con chung: có 03 (ba) người con chung tên Phan Thị Ngọc L – sinh ngày 20/01/2012; Phan Thị Ngọc L – sinh ngày 18/02/2014; Phan Ngọc T – sinh ngày 20/7/2016. Hiện nay cháu Phan Thị Ngọc L đang sống chung anh N. Sau khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của cháu L muốn theo ai thì người đó nuôi dưỡng, chị T và anh N không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Phan Thị Ngọc L và Phan Ngọc T hiện nay đang sống với chị T, sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Phan Minh N đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm niêm yết và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Nhựt vẫn cố tình vắng mặt không lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

*\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lưu Thị Mộng T. Cho chị Lưu Thị Mộng T được ly hôn với anh Phan Minh N.

- Về con chung: Do cháu Phan Thị Ngọc L có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên giao các con chung là cháu Phan Thị Ngọc L – sinh ngày 20/01/2012; Phan Thị Ngọc L – sinh ngày 18/02/2014; Phan Ngọc T – sinh ngày 20/7/2016 cho chị Lưu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phan Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lưu Thị Mộng T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị Lưu Thị Mộng T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Lưu Thị Mộng Thu phải nộp án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Anh Phan Minh Nhựt không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

*Tại phiên tòa đương sự không cung cấp thêm chứng cứ gì khác, vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn anh Phan Minh N đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Hôn nhân giữa chị T và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cơ sở tự nguyện, quen biết, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh L. Theo lời trình bày của chị Thu thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp.

Tại biên bản xác minh ngày 28/4/2020 thì bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của anh Phan Minh N xác nhận anh N với chị T đã không còn sống chung như vợ chồng hơn 02 năm. Anh N có biết việc chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh, nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị T.

Xét tình cảm giữa chị T và anh N không còn, anh chị đã không còn sống chung trong thời gian dài đã cho thấy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị T và anh N có 03 (ba) người con chung tên Phan Thị Ngọc L – sinh ngày 20/01/2012; Phan Thị Ngọc L – sinh ngày 18/02/2014; Phan Ngọc T – sinh ngày 20/7/2016. Hiện nay cháu Phan Thị Ngọc L đang sống chung anh N tuy nhiên cháu L có nguyện vọng được sống chung với mẹ và chị T cũng có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung.

Anh Phan Minh N không có ý kiến hay văn bản gì gửi cho Tòa án về việc yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, để bảo đảm quyền và lợi ích của trẻ, được quyền tự do phát biểu quan điểm sẽ giúp con nói lên tâm tư nguyện vọng của mình và là căn cứ giúp trẻ tìm được người trực tiếp nuôi thích hợp, bảo đảm sự trưởng thành của trẻ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu L cháu L và cháu T cần giao các cháu cho chị Lưu Thị Mộng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi các con chung nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lưu Thị Mộng T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Lưu Thị Mộng T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Lưu Thị Mộng T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lý do trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015); Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1/ Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Mộng T.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Lưu Thị Mộng T được ly hôn với anh Phan Minh N.

- **Về con chung:** Giao 03 (ba) con chung là cháu Phan Thị Ngọc L – sinh ngày 20/01/2012; Phan Thị Ngọc L – sinh ngày 18/02/2014; Phan Ngọc T – sinh ngày 20/7/2016 cho chị Lưu Thị Mộng T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phan Minh N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thị Ngọc L; Phan Thị Ngọc L và Phan Ngọc T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về tài sản chung:** Chị Lưu Thị Mộng T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về nợ chung phải thu, phải trả:** Chị Lưu Thị Mộng T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**2/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân:**

Buộc chị Lưu Thị Mộng T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N<sup>0</sup> 0007978, ngày 14 tháng 2 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét phúc thẩm lại.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Kim Mẫn**

